

Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01/02/2021.

V/v: xin ly hôn, nuôi con chung,

Chia tài sản chung khi ly hôn; đòi tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh - Thẩm phán

- *Các hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trần Lệ Nga

2. Bà Đoàn Thị Liễu

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Ngọc Tú – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá tham gia phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Tình – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 01 và ngày 01 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 388/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn; tranh chấp đòi tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Phan Thùy D**, sinh năm 1992

Địa chỉ: số 59 Trần Hữu Trang, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

* Bị đơn: Anh **Phan Thanh Q**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: số 82 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Bà **Đinh Thị Ch**, sinh năm: 1958

Địa chỉ: số 82 Nguyễn Cửu Đàm, phường Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

* Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Phan Thanh B**, sinh năm: 1955

Địa chỉ: 278-278a Trần B Trọng, phường Phú Trung, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy Q của ông B là: bà Đinh Thị Ch (vợ), đại diện theo văn bản ủy Q ngày 20/11/2020.

2. Ông **Nguyễn Duy Khánh**, sinh năm: 1993

3. Bà **Trịnh Anh Thi**, sinh năm: 1993

Địa chỉ: số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

*(Chị D, anh Q, bà Ch có mặt tại phiên tòa,
ông Khánh và bà Thi có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)*

NỘI D VỤ ÁN:

***Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Phan Thùy D trình bày:**

Chị và anh Q tự quen nhau, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05/2/2019.

Lý do chị D xin ly hôn: Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất hòa do tính tình đôi bên không phù hợp nhau, thường xuyên cự cãi gây mất tình cảm vợ chồng. Vợ chồng đã tự ly thân từ 7/2020.

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị D xác nhận vợ chồng có 01 người con chung tên Phan Nguyễn Xuân Anh, sinh ngày 28/8/2019 hiện đang do chị D nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh Q cấp dưỡng một lần số tiền 300.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 01 tài sản chung là căn nhà tại số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang do vợ chồng đứng tên, ước tính giá trị là 2.500.000.000 đồng. Chị D yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà là 1.250.000.000 đồng. Nhà này do mẹ chồng là bà Đinh Thị Ch mua với giá 2,5 tỷ đồng (tiền là của mẹ chồng mua) cho vợ chồng chị vào năm 2019 (vợ chồng bỏ một phần tiền để sang tên nhưng không đáng bao nhiêu nên chị không yêu cầu xem xét). Khi mua là hiện trạng

nhà cấp 4, phía sau có 10 căn nhà trọ; diện tích đất ngang 5,3m x dài 47m. Hiện tại nhà cấp 4 đã được sửa nâng cấp lên nhà có gác và đập phòng trọ xây thành 5 căn nhà trọ. Tiền sửa chữa nhà do bà Ch chịu chi phí. Giá trị nhà hiện nay cao hơn so với thời điểm chị nộp đơn khởi kiện nhưng chị chỉ yêu cầu nhận $\frac{1}{2}$ giá trị nhà đất theo giá lúc bà Ch mua là 1.250.000.000 đồng. Ngoài tài sản này ra thì vợ chồng chị không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa chị D có yêu cầu:

Về hôn nhân: Chị D yêu cầu ly hôn với anh Q vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Chị yêu cầu được nuôi người con chung tên Phan Nguyễn Xuân Anh, sinh ngày 28/8/2019, không chấp nhận giao con cho anh Q nuôi vì anh Q không quan tâm chăm sóc con. Chị chấp nhận để anh Q cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng, chị không yêu cầu cấp dưỡng một lần như trong đơn khởi kiện.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị D thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chị yêu cầu chia 40% giá trị nhà đất số tiền 1 tỷ đồng (tương đương 40% của 2,5 tỷ đồng) do chị không xác định được giá trị nhà bao nhiêu, giá trị đất bao nhiêu tại thời điểm mua bán với ông Cao Căn C bà Ngô Ngọc Ái. Chị yêu cầu anh Q thối lại cho chị 40% giá trị Q sử dụng đất là 01 tỷ đồng, tự nguyện giao nhà đất cho anh Q sử dụng, sở hữu. Chị không đồng ý yêu cầu đòi lại căn nhà đất như yêu cầu của bà Ch.

Về nợ chung: Chị xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phan Thanh Q trình bày:**

Anh và chị D tự quen biết, chung sống và tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào năm 2019. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung bên nhà vợ tại số 59 Trần Hữu Trang. Từ khi kết hôn mỗi tháng mẹ ruột là Đinh Thị Ch đều chuyển cho vợ chồng 13.000.000 đồng, anh trả chị dâu mỗi tháng 3.000.000 đồng còn lại 10.000.000 đồng để vợ chồng sinh sống.

Tháng 10/2019 bà Ch có mua 01 căn nhà tại số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang với số tiền 2,5 tỷ đồng, mua của vợ chồng anh Cao Văn C. Số tiền này bà Ch trả anh Cao Văn C một lần đặt cọc 100.000.000 đồng và trả bằng hình thức ủy nhiệm chi tại ngân hàng số tiền 2,4 tỷ đồng. Mẹ nhờ vợ chồng đứng tên dùm trên giấy chủ Q vì mẹ tuổi cao đi lại khó khăn. Giấy tờ đất (bản chính) từ trước đến nay do bà Ch giữ. Hiện trạng nhà thời điểm mua là nhà cấp 4, có 01 dãy phòng gồm 10 phòng trọ phía sau đã xuống cấp; diện tích đất là 192m² cụ thể: ngang

trước trên giấy chủ Q là 5,3m (thực tế 5,4m), hậu đất 5,2m thửa đất số 168 tờ bản đồ 31 tọa lạc tại 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 133713. Tháng 7/2020 bà Ch đã bỏ tiền ra sửa chữa căn nhà hiện trạng nay đã khác so với khi mua từ ông Cao Văn C, chi phí sửa chữa nhà khoảng gần 400.000.000 đồng.

Tại phiên tòa anh Q có ý kiến:

Về hôn nhân: anh Q thống nhất ly hôn với chị D vì tình cảm vợ chồng không còn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 người con chung tên Phan Nguyễn Xuân Anh, sinh ngày 28/8/2019 hiện đang do chị D nuôi dưỡng. Anh yêu cầu nuôi con vì hiện nay chị D không có việc làm, không có thu nhập và hiện nay đang nợ ngân hàng thuộc nợ quá hạn. Anh sợ con gái ở chung với chị D sẽ ảnh hưởng đến vấn đề giáo dục. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con.

Nếu Tòa án quyết định giao con cho chị D nuôi thì anh chỉ chấp nhận cấp dưỡng theo từng tháng, mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Anh không đồng ý theo yêu cầu của D vì căn nhà 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang là của mẹ nhờ vợ chồng đứng tên dù lúc còn hôn nhân nhưng nay không còn vợ chồng thì yêu cầu chị D ký trả lại trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Anh xác định vợ chồng sống chung không tạo lập được tài sản chung nào hết.

Về nợ chung: Anh Q xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập – bà Đinh Thị Ch có ý kiến:**

Nguyên tháng 10/2019 bà có mua 01 căn nhà số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang với số tiền 2,5 tỷ đồng, mua của vợ chồng anh Cao Văn C. Số tiền này bà trả anh Cao Văn C một lần đặt cọc 100.000.000 đồng và trả bằng hình thức ủy nhiệm chi tại ngân hàng số tiền 2,4 tỷ đồng qua ngân hàng Sacombank chi nhánh Kiên Giang (kèm theo phiếu chuyển). Hiện trạng nhà thời điểm mua là nhà cấp 4, có 01 dãy phòng gồm 10 phòng trọ phía sau đã xuống cấp; diện tích đất là 192m² cụ thể: ngang trước trên giấy chủ Q là 5,3m (thực tế 5,4m), hậu đất 5,2m thửa đất số 168 tờ bản đồ 31 tọa lạc tại 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 133713. Tháng 7/2020 bà đã bỏ tiền ra sửa chữa căn nhà hiện trạng nay đã khác so với khi mua từ ông Cao Văn C, chi phí sửa chữa nhà khoảng gần 400.000.000 đồng.

Bà nhờ con trai và con dâu đứng tên dùm trên giấy chủ Q vì bà và chồng tuổi cao đi lại khó khăn và giấy tờ đất do bà giữ từ trước đến nay. Thời điểm công chứng do cần phải có tên vợ chồng của Q ký tên nên bà cho vợ chồng Q D đứng tên dùm. Từ khi nhận chuyển nhượng nhà đất đến nay, giấy chứng nhận Q sử dụng đất (bản chính) đều do bà cất giữ; nhà và đất đều do bà quản lý trông coi chứ D và Q không có ở trong nhà ngày nào hết.

Ngày 27/10/2020 bà Ch có đơn yêu cầu độc lập nội D: Yêu cầu chị Nguyễn Phan Thùy D và anh Phan Thanh Q sang tên lại cho bà được đứng tên trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất số CR 133713 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 20/6/2019.

Tại phiên tòa bà Ch có ý kiến:

Yêu cầu chị Nguyễn Phan Thùy D và anh Phan Thanh Q sang tên lại cho bà được đứng tên trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất số CR 133713 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 20/6/2019.

Do D chỉ có công đứng tên dùm trên giấy thời gian có 14 tháng; không có công sức trông coi hay tôn tạo gì đối với căn nhà đất tại 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang nên bà tự nguyện trả chi phí cho D do đứng tên dùm là 150.000.000 đồng.

*** Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Thanh B có ý kiến tại Bản tự khai và trình bày ý kiến ngày 20/11/2020 như sau:**

Vợ chồng ông có Phan Thanh Q là con ruột, Nguyễn Phan Thùy D là con dâu. Năm 2019 vợ chồng ông có mua nhà và đất số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận Q sử dụng đất số CR 133713 do Ủy ban nhân dân thành phố Rạch Giá cấp ngày 20/6/2019, mua của bà Ngô Ngọc Ái và ông Cao Văn C. Khi mua nhà đất nói trên, ông sức khỏe không tốt nên toàn bộ giao dịch mua bán trả tiền đều do bà Ch thực hiện. Sau đó, vợ chồng ông có thống nhất để Q D đứng tên dùm trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Nay ông thống nhất yêu cầu D và Q sang tên lại trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất số CR 133713 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/6/2019 cho bà Ch theo đơn khởi kiện độc lập của bà Ch.

Tại phiên tòa bà Ch đại diện theo ủy Q của ông B có ý kiến:

Yêu cầu chị Nguyễn Phan Thùy D và anh Phan Thanh Q sang tên lại cho bà được đứng tên trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất số CR 133713 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/6/2019.

*** Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Duy Khanh và bà Trịnh Anh Thi có ý kiến tại Bản tự khai ngày 12/11/2020 như sau:**

Ngày 19/10/2020 có ký hợp đồng thuê nhà địa chỉ tại 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang, giá thuê nhà thỏa thuận 8.000.000 đồng/tháng, thời hạn thuê 03 năm. Khi thuê nhà ông bà có sửa sang một số hạng mục nhỏ theo Biên bản thẩm định tài sản của Công ty định giá Thịnh Vượng ngày 12/11/2020 . Đối với vụ án này ông bà không yêu cầu gì. Nếu sau này bà Ch có hủy hợp đồng thuê nhà thì ông bà sẽ tự giải quyết với bà Ch thành vụ kiện khác.

Tại phiên tòa ông Khanh và bà Thi có đơn xin vắng mặt.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu quan điểm:**

1. Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đều thực hiện đúng Q và nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự đã quy định.

Các đương sự cũng thực hiện Q và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về nội D:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D; Về con chung đề nghị giao 01 cháu Nguyễn Xuân Anh, sinh ngày 28/8/2019 cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận mức cấp dưỡng mỗi tháng 3.000.000 đồng theo ý kiến của chị D và anh Q.

Về tài sản chung: đề nghị không chấp nhận yêu cầu chia 40% giá trị tài sản chung nhà và đất số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang do nhà và đất này không phải là tài sản chung vợ chồng và chị D không chứng minh được bà Đinh Thị Ch tặng cho vợ chồng. Đề nghị chấp nhận yêu cầu đòi tài sản Q sử dụng đất số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang của bà Đinh Thị Ch.

Về nợ chung: Chị D và anh Q xác nhận không có nợ chung nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang theo qui định tại Điều 26, Điều 28, Điều 35 và 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội D vụ án:

Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự trong vụ án là “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và chia tài sản chung khi ly hôn; tranh chấp đòi tài sản”.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những nội D liên quan đến vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh Q tự nguyện chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới và được Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 05-02-2019 phù hợp theo quy định tại Điều 8 và Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên đơn chị D yêu cầu được ly hôn với anh Q vì tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Còn bị đơn anh Q cũng thống nhất ly hôn với chị D. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thống nhất ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa chị D và anh Q.

Về con chung: Xét yêu cầu của chị D là được nuôi người con chung tên Phan Nguyễn Xuân Anh, sinh ngày 28/8/2019. Anh Q cũng yêu cầu được nuôi con, tuy nhiên nếu Tòa án giải quyết cho chị D nuôi con thì anh thống nhất cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Xuân Anh là con gái về điều kiện tâm sinh lý cần sự chăm sóc của người mẹ. Hơn nữa, hiện nay cháu Xuân Anh chưa đủ 36 tháng tuổi nên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần giao cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, tại phiên tòa chị D thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu anh Q cấp dưỡng theo tháng mỗi tháng là 3.000.000 đồng; anh Q thống nhất cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu của chị D không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và sự tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng của chị D và anh Q là tự nguyện nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận.

* Về tài sản chung và yêu cầu độc lập của người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan độc lập, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề như sau:

Chị D cho rằng nhà và đất 465 Mạc Cửu là tài sản chung của chị và anh Q do bà Ch mua cho với căn cứ là chị có tên trên hợp đồng chuyển nhượng và được đánh biến động sang tên trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất. Còn bà Ch cho rằng, nhà và đất này là của bà bỏ tiền ra mua, do bà ở thành phố Hồ Chí Minh nên mới nhờ Q D đứng tên dùm trên hợp đồng chuyển nhượng.

Xét căn cứ pháp lý Q sở hữu nhà ở và Q sử dụng đất đối với nhà và đất số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về Q sở hữu nhà hiện nay chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm Q cấp giấy chứng nhận Q sở hữu. Tại thời điểm mua từ ông C bà Ái hiện trạng hiện nay không còn, mà đã được sửa chữa lại toàn bộ, chi phí sửa chữa do bà Ch bỏ ra, sau khi sửa chữa bà Ch tiến hành cho ông Khánh bà Thi thuê nhà. Tại phiên tòa chị D xác nhận chỉ yêu cầu được chia 1 tỷ đồng (tương đương 40% của 2,5 tỷ đồng) vì chị đứng tên trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất và do chị không xác định được giá trị nhà bao nhiêu, giá trị đất bao nhiêu tại thời điểm mua bán với ông Cao Căn C bà Ngô Ngọc Ái.

Về Q sử dụng đất: diện tích thực tế sử dụng chiều ngang trước (phần giáp đường Mạc Cửu) có rộng hơn so với trong giấy chứng nhận Q sử dụng đất 0,1m, tuy nhiên các bên không yêu cầu chia về hiện vật; thời điểm Tòa án xuống xem xét, thẩm định tại chỗ có các bên ký giáp ranh xác nhận không có ai tranh chấp; các cạnh còn lại phù hợp với giấy chứng nhận Q sử dụng đất được cấp. Về pháp lý Q sử dụng đất được cấp giấy đứng tên ông Cao Văn C theo giấy chứng nhận số CR 133713 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/6/2019, được đánh biến động sang tên ngày 07/11/2019 qua anh Q chị D. Việc chị D anh Q được đứng tên đối với Q sử dụng đất nêu trên xuất phát từ hợp đồng chuyển nhượng Q sử dụng đất ký ngày 19/10/2019 tại Phòng công chứng số 1 tỉnh Kiên Giang. Nội D hợp đồng thể hiện bên chuyển nhượng (bên A) là ông Cao Văn C bà Ngô Ngọc Ái và bên nhận chuyển nhượng là ông Phan Thanh Q bà Nguyễn Phan Thùy D; giá chuyển nhượng là 400.000.000 đồng thanh toán một lần bằng tiền mặt; bên A có nghĩa vụ giao đất tại thời điểm nhận đủ tiền.

Xét về thực tế giao dịch chuyển nhượng, quá trình sử dụng, quản lý, tôn tạo nhà đất 465 Mạc Cửu thấy rằng: Chị D và anh Q không phải là người giao dịch mua nhà và đất, không trực tiếp giao tiền cũng như nhận tài sản như trong nội D hợp đồng chuyển nhượng. Chị D cũng thừa nhận nguồn tiền mua nhà và đất là của bà Ch bỏ ra, chị không

trực tiếp giao dịch với ông C bà Ái do lúc đó chị đang sinh con nhỏ. Người nhận bàn giao nhà đất là bà Ch và bà Ch là người quản lý, sử dụng trên thực tế, tôn tạo tăng giá trị nhà. Còn chị D anh Q chưa từng sống trong nhà đất 465 Mạc Cửu cũng như chưa bỏ chi phí đầu tư tôn tạo gì đối với căn nhà này; giấy chứng nhận Q sử dụng đất (bản chính) do bà Ch đang quản lý, cất giữ. Hơn nữa, Theo xác nhận của ông C bà Ái tại Biên bản lấy lời khai ngày 12/11/2020 và Tờ tường trình ngày 09/11/2020 thì bà Ch trực tiếp giao dịch trả tiền mua nhà đất và có việc bà Ch nhờ Q và D đứng tên trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất (bà Ái và ông C đều không có quan hệ thân thích hay có mâu thuẫn gì với hai bên tranh chấp).

Chị D cho rằng nhà và đất 465 Mạc Cửu là bà Ch cho chung chị và anh Q, tuy nhiên chị không xuất trình được chứng cứ nào chứng minh bà Ch cho chị và anh Q đất và nhà nói trên (không có văn bản thể hiện tặng cho Q sử dụng đất, nhà; không có người làm chứng). Việc chị D cung cấp các đoạn tin nhắn zalo giữa chị với anh Q và cung cấp đơn yêu cầu giải quyết dân sự đề ngày 29/5/2020 để cho rằng anh Q thừa nhận nhà và đất số 465 Mạc Cửu là tài sản chung vợ chồng. Xét thấy, việc thừa nhận của anh Q không phải là căn cứ để xác nhận vấn đề cần chứng minh có việc bà Ch tặng cho nhà và đất số 465 Mạc Cửu. Đối với đoạn hội thoại chị D cung cấp ghi âm cuộc gọi của chị D và bà Ch (được lưu trong hồ sơ vụ án), không có nội D nào thể hiện bà Ch thừa nhận nhà và đất số 465 Mạc Cửu là bà tặng cho chị D anh Q. Tại phiên tòa, chị D có xuất trình 02 người để làm chứng là ông Nguyễn Trí Dũng (cha ruột chị D) và ông Nguyễn Anh Kiệt (chú ruột chị D) để chứng cho việc biết bà Ch mua nhà đất số 465 Mạc Cửu có mặt của anh Q. Xét thấy, trong quá trình Tòa án tiến hành tiếp cận chứng chị D không cung cấp, nay tới phiên tòa mới đưa người là chứng mà không vì trở ngại khách quan, hay sự kiện bất khả kháng nên Tòa án không chấp nhận; hơn nữa, ông Dũng và ông Kiệt đều có quan hệ thân thích với chị D nên không đáp ứng điều kiện khách quan của chứng cứ nên Tòa án không xác định là người làm chứng trong vụ án.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xác định nhà và đất số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang không phải là tài sản chung của anh Q chị D tạo lập nên và không phải là tài sản bà Ch tặng cho nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị D. Có căn cứ để xác định nhà và đất là của bà Ch, Q sử dụng đất do chị D và anh Q đứng tên dùm trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất số CR 133713 nên việc bà Ch yêu cầu chị D anh Q chuyển Q sử dụng đất lại

cho bà là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 168 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận.

Xét thấy, tại phiên tòa bà Ch cho rằng, chị D mới chỉ đứng tên trên giấy thời gian 14 tháng, chưa có tôn tạo hay trông coi gì đối với Q sử dụng đất trên nên tự nguyện hỗ trợ chi phí đứng tên dùm cho chị D số tiền 150.000.000 đồng, là phù hợp và có lợi cho chị D nên Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận sự tự nguyện của bà Ch.

Về nợ chung: Chị D và anh Q xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội

Buộc chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng;

Buộc chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp án phí trên yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận 1.000.000.000 đồng là: 36.000.000 đồng + 3% x 200.000.000 đồng = 42.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp là 42.300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 25.050.000 đồng theo biên lai thu số 0004718 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị D phải nộp thêm số tiền 17.250.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Phan Thanh Q phải nộp án phí trên số tiền cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí trên yêu cầu đòi tài sản của bà Ch. Tổng cộng anh Q phải nộp án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008553 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Xét thấy, bà Đinh Thị Ch đã hơn 60 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 326/2016/UBTVQH14 bà Ch thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Do đó, bà Ch không phải nộp tiền án phí trên số tiền 150.000.000 đồng.

[4] Về chi phí định giá: Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp chi phí định giá số tiền 8.000.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000117 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng ngày 30/11/2020. Chị D đã

nộp tạm ứng định giá 8.000.000 đồng theo Biên bản giao nhận tạm ứng chi phí định giá nên được khấu trừ xong.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 28, 35, 39, 165, 199, 201, 235 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 9 và 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 51, Điều 56, 81 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 168, khoản 2 Điều 221; Điều 235 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 12, Khoản 5 Điều 27, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về xin ly hôn của chị Nguyễn Phan Thùy D đối với anh Phan Thanh Q.

Tuyên bố chị Nguyễn Phan Thùy D được ly hôn với anh Phan Thanh Q.

2. Về con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con chung của chị Nguyễn Phan Thùy D. Giao cháu Phan Nguyễn Xuân Anh, sinh ngày 28/8/2019 cho chị D trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận về mức cấp dưỡng của chị D và anh Q như sau: anh Phan Thanh Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 3.000.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng, thời gian bắt đầu cấp dưỡng khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Xuân Anh đủ 18 tuổi.

Anh Q có Q, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Q chậm thực hiện cấp dưỡng nuôi con thì còn phải chịu mức tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ.

3. Không chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung Q sử dụng đất nhà số 465 Mạc Cửu, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang của chị Nguyễn Phan Thùy D đối với anh Phan Thanh Q, số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của bà Đinh Thị Ch. Buộc chị Nguyễn Phan Thùy D và anh Phan Thanh Q phải sang tên trả lại Q sử dụng đất cho bà Đinh Thị Ch trên giấy chứng nhận giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 133713 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Kiên Giang cấp ngày 20/6/2019.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Q tiến hành đăng ký biến động Q sử dụng đất trên giấy chứng nhận Q sử dụng đất Q sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 133713 cho bà Đinh Thị Ch theo quy định pháp luật.

Ghi nhận sự tự nguyện hỗ trợ của bà Đinh Thị Ch đối với chị Nguyễn Phan Thùy D số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án.

4. Về nợ chung: Chị D và anh Q xác nhận không có nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Buộc chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng;

Buộc chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp án phí trên yêu cầu chia tài sản chung không được chấp nhận 42.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền án phí sơ thẩm chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp là 42.300.000 đồng, khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 25.050.000 đồng theo biên lai thu số 0004718 ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá nên chị D phải nộp thêm số tiền 17.250.000 đồng (mười bảy triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Phan Thanh Q phải nộp án phí trên số tiền cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng và 300.000 đồng án phí trên yêu cầu đòi tài sản của bà Ch. Tổng cộng anh Q phải nộp án phí 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Đinh Thị Ch số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008553 ngày 27/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Xét thấy, bà Đinh Thị Ch đã hơn 60 tuổi, theo quy định tại khoản 2 Luật người cao tuổi và điểm đ khoản 1 Điều 12 326/2016/UBTVQH14 bà Ch thuộc trường hợp được miễn tiền án phí. Do đó, bà Ch không phải nộp án phí trên số tiền 150.000.000 đồng hỗ trợ chị D.

6. Về chi phí định giá: Căn cứ Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự, chị Nguyễn Phan Thùy D phải nộp chi phí định giá số tiền 8.000.000 đồng theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0000117 của Công ty TNHH định giá Thịnh Vượng ngày 30/11/2020. Chị D đã nộp tạm ứng định giá 8.000.000 đồng theo Biên bản giao nhận tạm ứng chi phí định giá nên được khấu trừ xong.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01-02-2021).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá;
- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

